

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 78/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 174/2024/NĐ-CP
ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về
xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi,
bổ sung một số điều bởi các Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15 được sửa đổi, bổ
sung một số điều bởi Luật số 139/2025/QH15;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

*Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị
định số 174/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy
định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.*

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 41 như sau:

“Điều 41. Thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Trưởng đoàn kiểm tra do Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm
thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3
của Nghị định này.

2. Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm, Trưởng đoàn kiểm tra do
Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;
- d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

3. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng.

4. Đội trưởng của Công an nhân dân có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 30.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

5. Trưởng Công an cấp xã có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

6. Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm: Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo, Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Trưởng phòng Công

an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, môi trường; Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh kinh tế; Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Giám đốc Công an tỉnh, Chánh văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

8. Trưởng đoàn thanh tra của Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

9. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước khu vực có quyền:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 80.000.000 đồng;

c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.

10. Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra do Chánh Thanh tra Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thành lập có quyền:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 5 Điều 3 của Nghị định này.”.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau:

“Điều 42. Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm

1. Trưởng đoàn thanh tra, Trưởng đoàn kiểm tra có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính thuộc phạm vi, nội dung cuộc thanh tra, kiểm tra trong thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật. Trường hợp hết thời hạn thanh tra, kiểm tra theo quy định của pháp luật mà chưa thể ra quyết định xử phạt, thì phải chuyển vụ vi phạm đến người có thẩm quyền để xử phạt.

2. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

3. Trường hợp hình thức, mức tiền phạt, hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền xử phạt theo quy định tại Nghị định này thì người có thẩm quyền xử phạt đang xử lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm đến cơ quan, người có thẩm quyền để xử phạt.

4. Trường hợp người có thẩm quyền đang thi hành công vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nhưng không có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì chuyển biên bản vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật.

5. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của những người được quy định tại Điều 41 Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân.

6. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các chức danh quy định tại Điều 41 Nghị định này cụ thể như sau:

a) Các chức danh quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này, trừ hành vi vi phạm quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 40 Nghị định này;

b) Các chức danh thuộc lực lượng Công an nhân dân quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều 15, điểm d khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 40 Nghị định này;

c) Các chức danh thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tại khoản 8, khoản 9, khoản 10 Điều 41 Nghị định này có quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 40 Nghị định này.”.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau:

“Điều 44. Thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Việc thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo pháp luật xử lý vi phạm hành chính.

2. Biên bản, tài liệu, văn bản hoặc giấy tờ liên quan khác ghi nhận việc thi hành các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả phải có trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 57 Luật Xử lý vi phạm hành chính.”.

Điều 4. Bổ sung Điều 44a sau Điều 44 như sau:

“Điều 44a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

Trường hợp xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử thực hiện theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương IIIa Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ.”.

Điều 5. Bổ sung tên Mục 4a Chương II sau Điều 27 như sau:

**“Mục 4a
HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VỐN,
SỬ DỤNG VỐN VÀ TÀI SẢN”.**

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b) *ef*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc